

Số: /XMHM-TCKT

V/v: Công bố thông tin báo cáo tài chính 06
tháng năm 2012

Hoàng Mai, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai
2. Mã chứng khoán: HOM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
4. Điện thoại: (0383) 866 170 Fax: (0383) 866 648
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Minh Sơn – Kế toán trưởng
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính bán niên năm 2012 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 10/08/2012 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - 6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNST so với cùng kỳ năm 2011)

XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

**BẢN GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 06 THÁNG NĂM 2012
SO VỚI 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2011**

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT 06 THÁNG NĂM 2012

Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 10 tháng 08 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		674.182.350.134	599.411.575.529
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	102.064.039.688	142.720.480.326
	1. Tiền	111		61.064.039.688	41.420.480.326
	2. Các khoản tương đương tiền	112		41.000.000.000	101.300.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.355.000.000	30.355.000.000
	1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	30.355.000.000	30.355.000.000
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		177.046.520.337	73.659.197.828
	1. Phải thu của khách hàng	131		165.072.828.899	65.342.038.719
	2. Trả trước cho người bán	132		9.199.374.383	4.877.768.154
	5. Các khoản phải thu khác	135	6	5.432.756.387	4.768.610.621
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.658.439.332)	(1.329.219.666)
IV.	Hàng tồn kho	140	7	342.982.257.475	350.013.712.972
	1. Hàng tồn kho	141		345.701.303.239	352.732.758.736
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.719.045.764)	(2.719.045.764)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		21.734.532.634	2.663.184.403
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	17.566.584.342	147.635.998
	3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	4.167.948.292	2.515.548.405
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.476.205.564.057	1.522.088.191.306
II.	Tài sản cố định	220		1.434.496.500.939	1.478.915.945.128
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.421.829.589.729	1.474.562.537.148
	- Nguyên giá	222		2.754.410.542.871	2.746.806.655.127
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.332.580.953.142)	(1.272.244.117.979)
	3. Tài sản cố định vô hình	227		178.508.407	35.745.989
	- Nguyên giá	228		433.687.770	276.929.770
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(255.179.363)	(241.183.781)
	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	12.488.402.803	4.317.661.991
V.	Tài sản dài hạn khác	260		41.709.063.118	43.172.246.178
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	41.709.063.118	43.172.246.178
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.150.387.914.191	2.121.499.766.835

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.288.566.090.139	1.209.224.652.716
I.	Nợ ngắn hạn	310		842.229.702.280	765.423.180.426
	1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	512.174.869.991	486.606.419.221
	2. Phải trả cho người bán	312		127.700.566.772	98.671.772.442
	3. Người mua trả tiền trước	313		5.085.555.480	4.744.176.618
	4. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	14	36.708.978.984	21.892.849.721
	5. Phải trả người lao động	315		155.753.306	29.015.127.472
	6. Chi phí phải trả	316	15	49.319.017.376	25.058.375.945
	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	87.131.746.775	96.011.334.980
	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		23.953.213.596	3.423.124.027
II.	Nợ dài hạn	330		446.336.387.859	443.801.472.290
	4. Vay và nợ dài hạn	334	17	432.339.829.732	432.339.829.732
	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	18	12.903.062.171	10.315.252.777
	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.093.495.956	1.146.389.781
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		861.821.824.052	912.275.114.119
I.	Vốn chủ sở hữu	410	19	861.821.824.052	912.275.114.119
	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		720.000.000.000	720.000.000.000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.138.086.811	19.138.086.811
	4. Cổ phiếu quỹ	414		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
	7. Quỹ đầu tư phát triển	417		85.906.072.577	55.515.590.959
	8. Quỹ dự phòng tài chính	418		22.114.914.693	15.636.084.781
	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		42.862.212.433	130.184.814.030
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.150.387.914.191	2.121.499.766.835

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA
NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày
30/06/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		792.090.577.538	718.223.378.229
2. Các khoản giảm trừ	02		59.148.203.611	28.629.389.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10	20	732.942.373.927	689.593.989.229
4. Giá vốn hàng bán	11	21	568.985.198.321	503.567.855.856
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		163.957.175.606	186.026.133.373
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.512.242.149	2.443.161.454
7. Chi phí tài chính	22	23	53.543.157.173	58.855.863.929
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.429.334.436	55.268.348.845
8. Chi phí bán hàng	24		35.314.429.676	36.296.179.837
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		30.256.749.185	33.365.026.026
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.355.081.721	59.952.225.035
11. Thu nhập khác	31		4.381.004.799	2.221.216.690
12. Chi phí khác	32		1.102.886.635	69.932.904
13. Lợi nhuận khác	40		3.278.118.164	2.151.283.786
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.633.199.885	62.103.508.821
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	5.183.178.058	8.120.611.241

XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

B. GIẢI TRÌNH

Theo thông tin công bố, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2012 của Công ty đạt hơn 792 tỷ đồng tăng 10,28% so với doanh thu 06 tháng đầu năm 2011. Lợi nhuận trước thuế 06 tháng đầu năm 2012 của công ty đạt hơn 50,6 tỷ đồng, giảm 18,5% so với thực hiện cùng kỳ năm 2011 (LNTT 06 tháng đầu năm 2011 là 62 tỷ đồng) là do:

1. Doanh thu tăng:

- Doanh thu bán các sản phẩm mới (đá VLXD, gạch Block, bê tông) tăng hơn 24,5 tỷ so với doanh thu bán các sản phẩm này cùng kỳ năm 2011.
- Giá bán xi măng tăng 7 % so với cùng kỳ năm 2011.

2. Lợi nhuận giảm:

Giá các nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Đặc biệt, vỏ bao tăng 10%, dầu dầu FO tăng 16%, thạch cao tăng 15%, giá điện tăng 8,8%, giá than tăng 43% so với cùng kỳ năm 2011.

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:

<http://www.ximanghoangmai.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đã Ký

Trần Minh Sơn